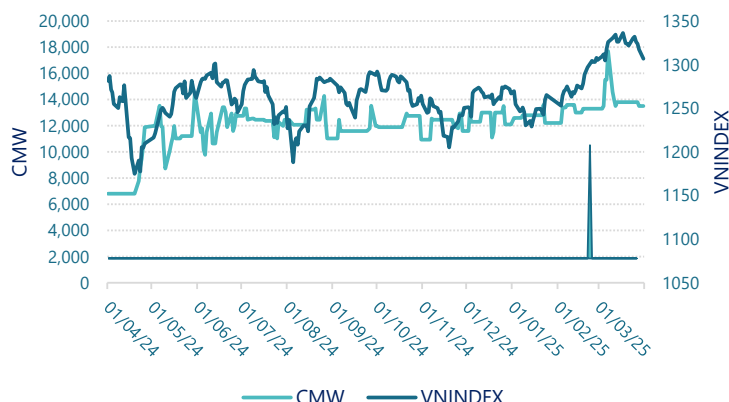


CTCP Cấp nước Cà Mau (UPCOM: CMW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,807
SL cổ phiếu LH	15,534,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	525
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	210
P/E	14.8
EPS	910

DT thuần

Q1/25

37.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.30 | 16.3%

YoY: ▲ 2.00 | 5.5%

LN sau thuế

Q1/25

5.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.84 | 230%

YoY: ▼ 0.10 | -1.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.1%

+/- YoY: ▲ 1.9%

DT thuần

2024

136

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0 | 10.1%

LN sau thuế

2024

14.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.20 | 29.0%

ROE

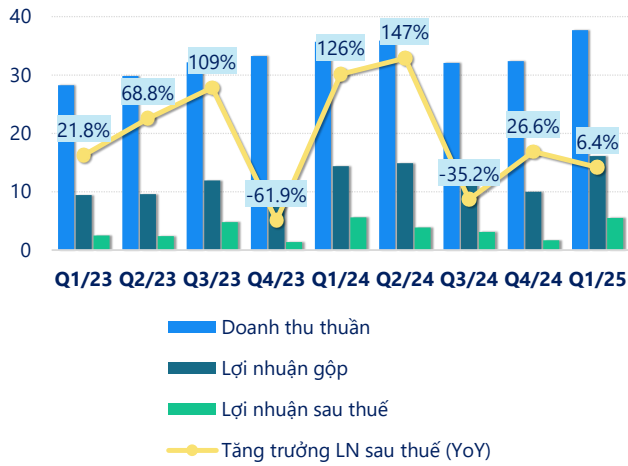
2024

8.2%

+/- YoY: ▲ 1.8%

tỷ VNĐ

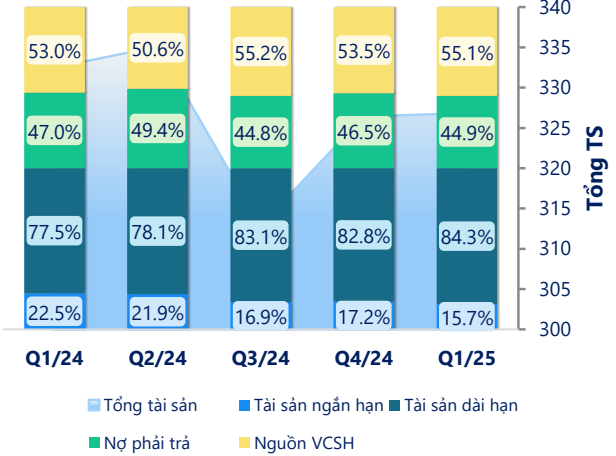
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

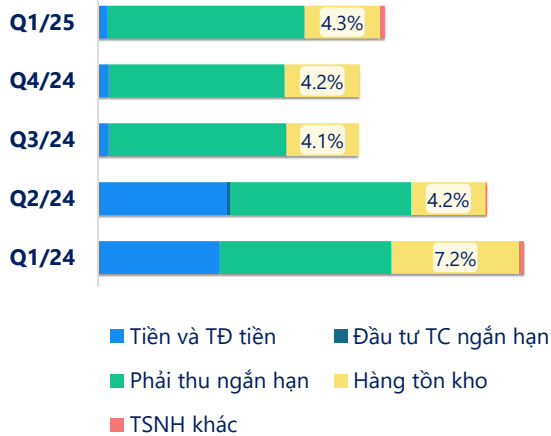
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



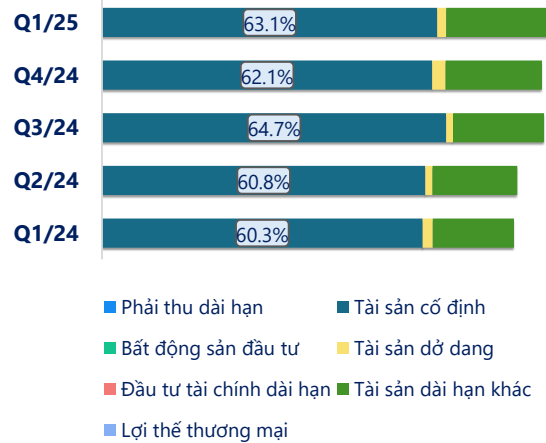
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

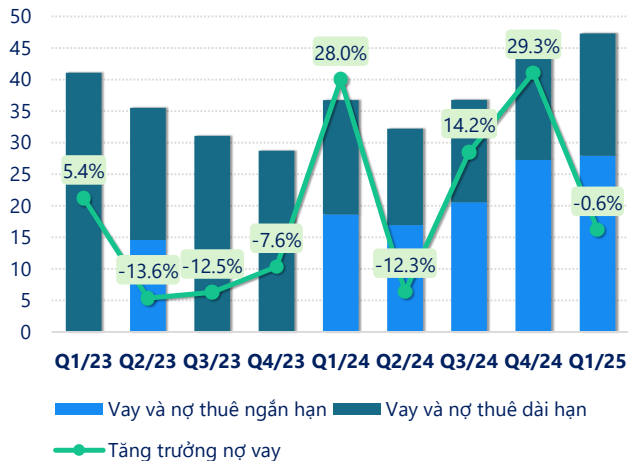
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

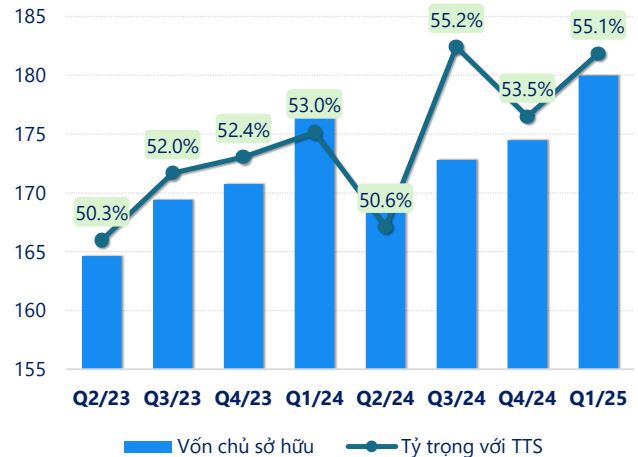
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

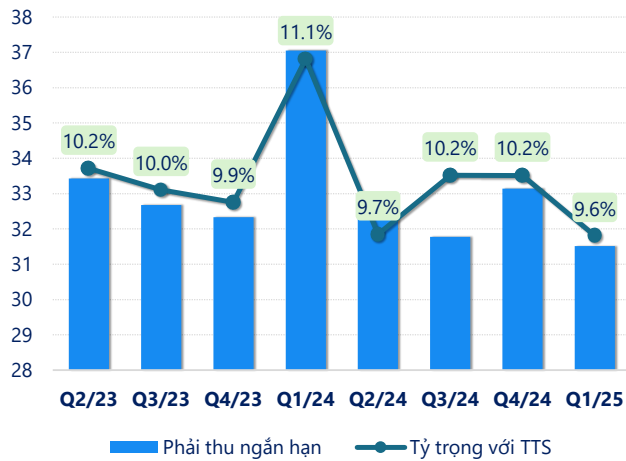
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



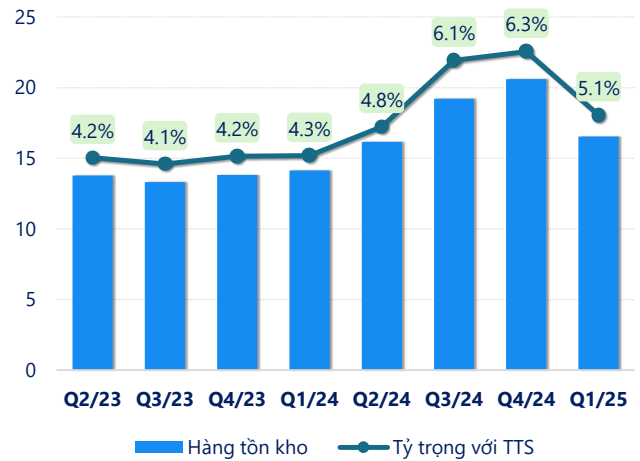
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


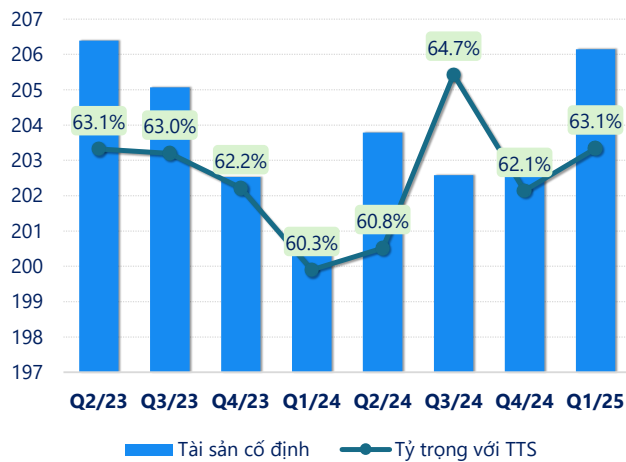
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


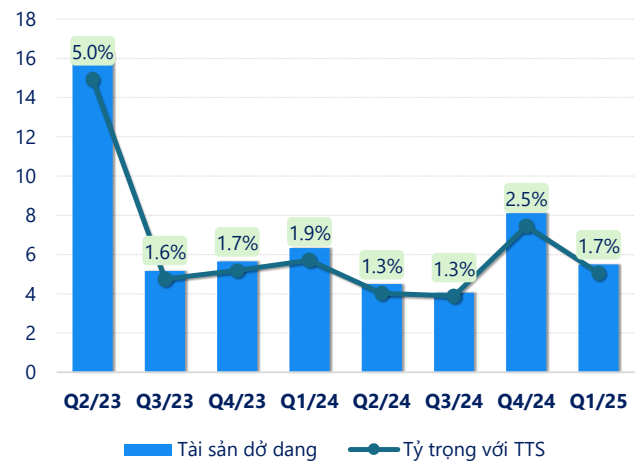
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

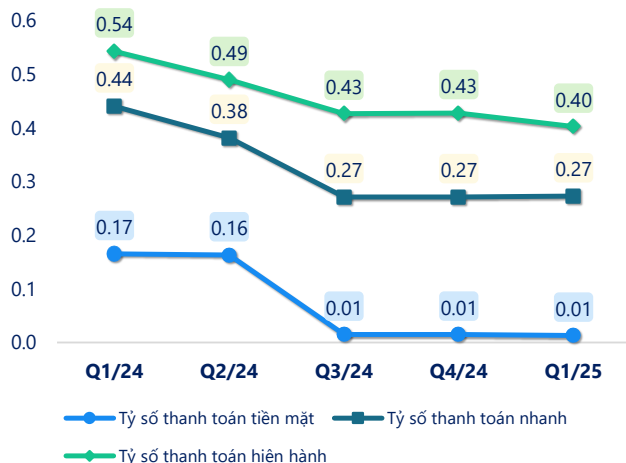
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

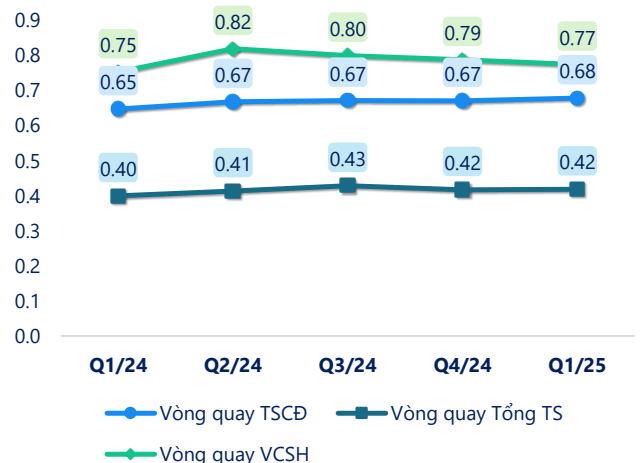
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	332	335	313	326	327
Tài sản ngắn hạn	74.9	73.4	52.8	56.3	51.3
Tiền và tương đương tiền	22.8	24.4	1.84	1.96	1.66
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.50	0	0	0.50
Phải thu ngắn hạn	37.1	32.4	31.8	33.1	31.5
Hàng tồn kho	14.1	16.2	19.2	20.6	16.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	0	0	0.57	1.09
Tài sản dài hạn	258	262	260	270	276
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	201	204	203	203	206
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.33	4.50	4.06	8.11	5.50
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	50.7	53.4	53.4	59.3	63.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	156	165	140	152	147
Nợ ngắn hạn	138	150	124	132	127
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.6	16.9	20.6	27.3	27.9
Phải trả người bán ngắn hạn	5.68	9.26	10.4	15.5	12.6
Nợ dài hạn	18.1	15.3	16.2	20.3	19.4
Vay và nợ thuê dài hạn	18.1	15.3	16.2	20.3	19.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	176	170	173	174	180
Vốn chủ sở hữu	176	170	173	174	180
Vốn điều lệ	155	155	155	155	155
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)